

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng 5 năm 2018

GIẤY ĐĂNG KÝ
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

Kính gửi: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai

Tôi tên:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ngày cấp:

Nơi cấp:

Theo Thông báo số 76/TB-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018,

Tôi xin đăng ký dự họp với số cổ phần có quyền biểu quyết là:
cổ phần.

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần;
- Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

Tôi xin cam kết chấp hành đúng các quy định của Đại hội và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình./.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Để công tác chuẩn bị cho Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội hoặc Giấy ủy quyền về Công ty chậm nhất là 15 giờ 00, ngày 25/5/2018 thông qua thư, fax, email theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai

KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513671039 Fax: 02513671040 Email: honiz@vnn.vn hoặc tamdunghonai@gmail.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng 5 năm 2018

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: Tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Tôi tên: Ngày, tháng, năm sinh:

Giấy CMND số: ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ cư trú (hoặc đơn vị công tác):

Là cổ đông của CTCP KCN Hồ Nai, với tổng số cổ phần sở hữu là:CP.

Nay tôi ủy quyền cho Ông (Bà):

Giấy CMND số: ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ cư trú (hoặc đơn vị công tác):

Số lượng cổ phần được ủy quyền: CP

Bằng chữ: cổ phần.

Làm người đại diện cho tôi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai được tổ chức vào ngày 26/5/2018, với đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tương ứng với số cổ phần mà tôi đã ủy quyền.

Tôi cam kết không khiếu nại về các quyết định của người đại diện cho tôi tại phiên họp./.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI

(Cổ đông có thể dùng làm ủy quyền đại diện tham dự phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2017)

Stt	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Giấy CMND	Địa chỉ cư trú (hoặc nơi làm việc)
1	Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT	Số: 024677485 cấp ngày: 11/5/2009 Nơi cấp: CA.TPHCM	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN
2	Nguyễn Văn Hằng	Thành viên HĐQT	Số: 021087616 cấp ngày: 15/3/2008 Nơi cấp: CA.TPHCM	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN
3	Thái Minh Quang	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc công ty	Số: 022674781 cấp ngày: 12/11/2003 Nơi cấp: CA.TPHCM	Công ty cổ phần KCN Hố Nai
4	Huỳnh Thanh Xuân	Thành viên HĐQT	Số: 023624319 cấp ngày: 25/4/2012 Nơi cấp: CA.TPHCM	446 đường 3/2, phường 12, quận 10, TP.Hồ Chí Minh.
5	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	Số: 285095138 cấp ngày: 26/11/2010 Nơi cấp: CA Bình Phước	Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú
6	Đỗ Đông Phương	Trưởng Ban Kiểm soát	Số: 020739303 cấp ngày: 30/3/2011 Nơi cấp: CA.TPHCM	Công ty cổ phần KCN Hố Nai
7	Lê Mạnh Khoa	Thành viên Ban KS	Số: 020685540 Cấp ngày: 26/4/2005 Nơi cấp: CA.TPHCM	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN
8	Phạm Thị Thu Hường	Thành viên Ban KS	Số: 025084698 Cấp ngày: 27/3/2009 Nơi cấp: CA.TPHCM	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN
7	Lương Nhựt Tân	Phó tổng giám đốc	Số: 024509578 cấp ngày: 15/05/2006 Nơi cấp: CA.TPHCM	Công ty cổ phần KCN Hố Nai
8	Nguyễn Văn Tài	Phó tổng giám đốc	Số: 024226502 cấp ngày: 17/3/2004 Nơi cấp: CA.TPHCM	Công ty cổ phần KCN Hố Nai
9	Hành Hữu Hưng	Kế toán trưởng	Số: 024672848 cấp ngày: 30/08/2012 Nơi cấp: CA.TPHCM	Công ty cổ phần KCN Hố Nai

CHƯƠNG TRÌNH
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI
- Ngày 26 tháng 5 năm 2018 - Từ 08h00 đến 11h30

Thời gian	NỘI DUNG	Thực hiện
7h30 – 8h00	- Tiếp đón đại biểu; - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự và phát phiếu biểu quyết.	Ban Tổ chức Ban Kiểm soát
8h00 – 8h20	- Chào cờ. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Báo cáo thủ tục xác nhận tư cách cổ đông, tỷ lệ cổ đông tham dự. - Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội.	Ban Tổ chức
8h20 – 9h00	- Thông qua Chương trình làm việc của Đại hội; - Công bố và Thông qua Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết của Đại hội; - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và phương hướng 2018; - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch 2018; - Báo cáo hoạt động của Ban KS năm 2017 và phương hướng 2018.	CT. HĐQT Ban Tổ chức Hội đồng quản trị Tổng giám đốc Trưởng Ban KS
9h00 – 9h30	Các Tờ trình: 1) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch PPLN 2018; 2) Quyết toán thù lao của HĐQT & BKS năm 2017, dự trù thù lao năm 2018; 3) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; 4) Quy chế nội bộ về quản trị công ty; 5) Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT; 6) Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.	Chủ tịch đoàn
9h30 – 10h45	Đại hội thảo luận.	Chủ tịch đoàn
10h45 – 11h10	- Đại hội biểu quyết thông qua các vấn đề đã thảo luận - Biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện các vấn đề quan trọng khác.	Chủ tịch đoàn
11h10 – 11h30	Ban Thư ký đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết đại hội.	Thư ký Đại hội
	Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết.	Chủ tịch đoàn
	Bế mạc đại hội.	
	Chào cờ.	Ban Tổ chức

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Khu công nghiệp Hố Nai;

Căn cứ Thông báo số 76/TB-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Khu công nghiệp Hố Nai về việc triệu tập phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018,

Nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được diễn ra theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Ban tổ chức Đại hội xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với các quy định như sau:

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Tất cả vì quyền lợi của cổ đông Công ty Cổ phần KCN Hố Nai (HONIZ).

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông HONIZ có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội năm 2018 có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự (sau đây được gọi chung là cổ đông) và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Điều kiện để Đại hội được tiến hành

1. Khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của HONIZ.
2. Cổ đông được bố trí đầy đủ chỗ ngồi thuận tiện để tham dự Đại hội.

Điều 4. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Hạn chế nói chuyện riêng và sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ HONIZ và theo quy định của pháp luật.
2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) xuất trình cho Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông để đăng ký tham dự Đại hội.
3. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký tham dự họp và có quyền biểu quyết các nội dung tiếp theo tại Đại hội. Chủ tịch đoàn không được dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Cổ đông có quyền phát biểu ý kiến trực tiếp hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết, ý kiến đóng góp có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tịch đoàn; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

6. Khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội, cổ đông được quyền nhận một phiếu biểu quyết để tham gia biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội, để đảm bảo tỷ lệ biểu quyết trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài. Trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài hoặc về sớm không trực tiếp tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền thì cổ đông phải thông báo với Ban tổ chức Đại hội để làm thủ tục ủy quyền, trường hợp cổ đông không tham gia làm thủ tục ủy quyền thì được xem như cổ đông đã không tham dự Đại hội và khi đó tổng số cổ phần tham gia biểu quyết sẽ thay đổi theo.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
- b) Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và giấy ủy quyền của cổ đông đến dự họp;
- c) Phát phiếu biểu quyết và tài liệu cho cổ đông;
- d) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ban tổ chức có thể thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch; Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

Đoàn chủ tịch; Ban thư ký và Ban kiểm phiếu do Ban tổ chức Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua, có các quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Đoàn chủ tịch:

- a) Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b) Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

2. Ban thư ký:

- a) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;
- b) Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
- c) Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản và nghị quyết cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội;
- d) Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tịch đoàn.

3. Ban kiểm phiếu:

- a) Thông báo Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hướng dẫn công khai cho các cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
- c) Tiến hành kiểm đếm phiếu biểu quyết, tổng hợp và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề;

Ban tổ chức có thể thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thì giơ tay hoặc đăng ký với Ban thư ký. Cổ đông sẽ phát biểu ý kiến khi được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch.
2. Cổ đông cần phát biểu ngắn gọn, không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, tập trung vào đúng những nội dung cần trao đổi và phù hợp với chương trình họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Đoàn chủ tịch sắp xếp cho Cổ đông phát biểu, đồng thời giải đáp thắc mắc của Cổ đông.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả Cổ đông tham dự Đại hội và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**BAN TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI**

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2018

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

I. Tình hình chung

Năm 2017, tình hình chính trị - kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, kinh tế - xã hội nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, về cơ bản nền kinh tế vẫn đang đối diện với nhiều thách thức lớn.

Công tác bồi thường và thu hồi đất vẫn còn rất khó khăn, các hộ dân còn lại của giai đoạn I vẫn chưa chịu di dời để giao đất cho KCN; công tác bồi thường đất của giai đoạn II đang có tiến triển tốt nhưng chưa đồng bộ, do giai đoạn 2 tọa lạc trên địa bàn của 02 địa phương cấp huyện và thành phố.

Chính vì vậy, năm 2017 có thể xem là năm nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đối với Công ty CP KCN Hồ Nai. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã chủ động chuẩn bị kỹ lưỡng, có những bước đi mang tính chiến lược giúp Công ty tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua ngày 02/6/2017.

II. Kết quả hoạt động quản trị

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trước tình hình đã được dự báo từ đầu năm, Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện điều hành Công ty theo hướng: ổn định chất lượng dịch vụ các mảng sản xuất kinh doanh của KCN và các dịch vụ tư vấn thiết kế trong ngành cao su, tiết giảm các khoản chi phí, đẩy mạnh công tác bồi thường thu hồi đất, đồng thời sắp xếp bộ máy tổ chức của Công ty đáp ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn II KCN.

Thực tế kết quả SXKD năm 2017 cho thấy Ban điều hành đã thực hiện tốt chủ trương của HĐQT, góp phần mang lại kết quả kinh doanh đáng khích lệ trong năm 2017 (xem phần báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD do Ban điều hành lập).

2. Hoạt động đầu tư

Năm 2017, Hội đồng quản trị công ty đã có nhiều quyết định và chỉ đạo quan trọng trong việc đầu tư, góp vốn, cụ thể:

- Việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017 cho sát hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Việc vay vốn ngân hàng, góp vốn vào một số doanh nghiệp.

- Công tác bồi thường đất giai đoạn I và giai đoạn II của KCN, đầu tư một số công trình xây dựng, sửa chữa, duy tu hạ tầng kỹ thuật KCN.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp và quyết định của HĐQT:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị công ty là 05 người. Trong năm, HĐQT đã tổ chức:

- Hội Đại hội đồng cổ đông:
- + Hội ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;
- + Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc điều chỉnh, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2017.
- Hội HĐQT: Do yếu tố khách quan, năm 2017 HĐQT chỉ tổ chức được 02 cuộc họp và 05 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để giải quyết một số vấn đề sau: Điều chỉnh kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017; Điều chỉnh, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2017; Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017; Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường có tổ chức (Upcom); Thông qua các vấn đề trong nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Các phiên họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và việc lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức đảm bảo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua.

b) Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT & BKS:

Các thành viên HĐQT & BKS công ty đại đa số làm công tác kiêm nhiệm, trong đó có 01 thành viên HĐQT kiêm giữ chức vụ Tổng giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách.

Về chi phí hoạt động của HĐQT & BKS được tuân thủ theo quy định của Điều lệ công ty, thù lao của HĐQT & BKS thực hiện đúng theo dự trù chi phí thù lao do ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 phê duyệt.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2018

Với những tín hiệu tích cực về kinh tế trong nước và thế giới cho chúng ta thấy sự lạc quan hơn trong năm 2018. Tuy nhiên, những bất ổn về kinh tế và diễn biến về chính trị hết sức khó lường trên thế giới, dự báo còn nhiều khó khăn trong các hoạt động SXKD và đầu tư của năm 2018.

Chính vì vậy, HĐQT chủ trương và chỉ đạo Ban tổng giám đốc điều hành hoạt động SXKD theo tinh thần thận trọng, chắc chắn, phát huy thành quả đạt được của năm 2017; đồng thời linh hoạt, nắm bắt tốt thời cơ trong SXKD và đầu tư, đẩy mạnh việc thu hút các nhà đầu tư vào KCN.

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2018, như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ KH18/TH17
I. SẢN XUẤT KINH DOANH					

1	Doanh thu	tỷ đồng	59,535	67,066	112,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	19,637	19,826	101,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	17,291	17,482	101,1%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	8,083	2,987	37,0%
5	Tỷ lệ chia cổ tức (*)	%			
II. ĐẦU TƯ					
Tổng vốn đầu tư		tỷ đồng	93,646	451,175	481,8%
<i>Trong đó:</i>					
- Đầu tư xây dựng cơ bản		tỷ đồng	91,982	443,545	482,2%
- Trả nợ vay tín dụng dài hạn		tỷ đồng	1.043	7.550	723,9%
- Đầu tư tài chính dài hạn		tỷ đồng	621	80	12,9%

(*) Cổ tức năm 2018 được tạm tính trên vốn điều lệ cuối kỳ là 75 tỷ đồng.

2. Biện pháp thực hiện

Đứng trước môi trường kinh doanh như dự báo và tình hình nội tại của Công ty. Ngoài những công việc quy định tại Điều lệ công ty, trong năm 2018 Hội đồng Quản trị sẽ xây dựng chương trình chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục bám sát chiến lược phát triển như đã định hướng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo cho quyền lợi của các cổ đông.

Theo đó:

- Chỉ đạo Ban Điều hành trong việc kiểm soát chặt chẽ và minh bạch chi phí SXKD, chi phí đầu tư XDCCB, nhằm thực hiện giảm tối đa giá vốn trong đầu tư hạ tầng.
- Định hướng để Công ty xây dựng các phương án về SXKD và đầu tư XDCCB cho hạ tầng giai đoạn II theo hướng tổ chức tự thực hiện các khối lượng xây lắp trong khả năng có thể thực hiện được nhằm giảm tối đa chi phí đầu tư, giảm giá thành đất thương phẩm của giai đoạn II. Việc thực hiện đầu tư giai đoạn II không thực hiện đồng loạt mà sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu theo tiến độ hợp đồng thuê đất của các nhà đầu tư nhằm giảm áp lực vốn vay.
- Chỉ đạo và định hướng cho BDH đẩy mạnh tiến độ đền bù để sớm có quỹ đất đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư cả giai đoạn I và giai đoạn II. Việc đền bù đất được thực hiện với các bước đi phù hợp, trong đó các diện tích giải phóng mặt bằng tiếp theo phải đảm bảo diện tích liền vùng, liền khoảnh với các diện tích đền bù trước đó, nhằm triển khai các hệ thống hạ tầng kỹ thuật thu hút đầu tư một cách đồng bộ và tiết kiệm chi phí tối đa.
- Chỉ đạo BDH rà soát, đánh giá lại toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và có đề xuất các phương án đầu tư phù hợp, nhất là đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho giai đoạn II.
- Chỉ đạo BDH củng cố và tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực để đáp ứng nhu cầu công việc trong thời gian tới.
- Định hướng để BDH xây dựng các kịch bản về nguồn vốn trong thực hiện kế hoạch đầu tư XDCCB năm 2018. Trong đó có phương án tăng vốn điều lệ để đảm bảo nguồn vốn đầu

tư, đồng thời chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục làm việc với tổ chức tín dụng để đặt vấn đề về món vay cho đầu tư trong 2018 cũng như đề nghị với tổ chức tín dụng về việc xem xét tái cơ cấu lại món vay với lãi suất phù hợp nhằm đảm bảo dự án có hiệu quả./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

Năm 2017 tình hình chính trị - kinh tế thế giới vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm. Trong nước, tình hình chính trị xã hội ổn định; kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Công tác bồi thường và thu hồi đất vẫn còn là vấn đề khó khăn, nhất là ở giai đoạn 1 KCN; trình tự thủ tục bồi thường đất của giai đoạn 2 thực hiện chậm và không đồng bộ.

Trong bối cảnh đó, Lãnh đạo công ty đã kịp thời tìm hướng đi phù hợp, dự kiến những khó khăn để tổ chức quản lý và điều hành các mặt hoạt động của Công ty có hiệu quả. Với sự nỗ lực, đoàn kết và thực hành tiết kiệm của đội ngũ CB-CNV; Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 02/6/2017, cụ thể gồm những nội dung chính như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	59.710	59.535	99,7%
	- Kinh doanh cơ sở hạ tầng	29.103	29.113	100,0%
	- Cung cấp nước sạch	15.447	15.474	100,2%
	- Xử lý nước thải	6.852	6.918	101,0%
	- Tư vấn & Thiết kế	2.385	3.731	156,4%
	- Thi công xây dựng	6,8	6,8	
	- Kinh doanh khác	1.636	-	
	- Hoạt động tài chính	2.737	2.722	99,5%
	- Thu nhập khác	1.541	1.568	101,8%
2	Tổng chi phí	42.335	39.898	94,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	17.374	19.637	113,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	15.477	17.291	111,7%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	25,92%	29,04%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	20,64%	23,06%	
7	Nộp ngân sách Nhà nước	6.887	8.083	117,4%
8	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.487.000	7.591.000	101,4%
9	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.545.000	8.774.000	103,0%

2. Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể:

a) Kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN: Do các hộ dân còn lại của KCN Hố Nai giai đoạn 1 chưa chịu di dời để giao đất cho KCN đã ảnh hưởng trực tiếp việc cho thuê đất của KCN và công tác bồi thường và thu hồi đất giai đoạn II thực hiện chậm so kế hoạch. Trong năm 2017, Công ty chỉ thu tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng đối với phần diện tích đất đã có hợp đồng trước đây.

b) Kinh doanh sản phẩm tư vấn và thiết kế: Doanh thu đạt khá cao từ công tác lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán, tư vấn mời thầu thi công xây lắp, thiết bị các Nhà máy chế biến mủ cao su tại Lào, các dự án tái canh cao su.

c) Các dịch vụ khác: Trong kỳ Công ty đã cung cấp khoảng 1.118.528m³ nước sạch và xử lý khoảng 894.822m³ nước thải cho các Nhà đầu tư trong KCN. Ngoài ra, còn có doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác từ hoạt động của công ty.

Tóm lại, trong năm 2017 Công ty đã thực hiện đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch (điều chỉnh) đã được đề ra.

II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tình hình hoạt động đầu tư năm 2017 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Tổng vốn đầu tư		134.974	93,646	69,4%
<i>Trong đó:</i>				
1	Xây dựng cơ bản	133.230	91,982	69,0%
2	Trả nợ vay ngân hàng	1.043	1.043	100,0%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	701	621	88,6%

1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN:

Do những khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của KCN, do điều chỉnh hồ sơ quy hoạch chi tiết KCN cho phù hợp với địa hình thực tế và do ảnh hưởng thời tiết là mùa mưa kéo dài nên việc triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chậm so với kế hoạch. Trong năm 2017, Công ty triển khai thi công 02 gói thầu xây dựng hạ tầng với tổng giá gói thầu là 30,81 tỷ đồng và thực hiện chuẩn bị đầu tư: thiết kế tuyến thoát nước thải, cấp nước trong KCN, thiết kế cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp...

2. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Phần diện tích còn lại của giai đoạn I KCN:

Hiện tại, KCN Hồ Nai giai đoạn I còn vướng khoảng 15 ha chưa được thu hồi ảnh hưởng trực tiếp đến tổng diện tích đất còn lại là 27 ha (dạng da beo). Trong 27 ha đất này có 17 hộ (từ năm 2003 đến nay) cố tình không chịu nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai, trong tháng 10/2017, các cơ quan chức năng tiến hành cưỡng chế để bàn giao mặt bằng cho Công ty. Tuy nhiên, để giải quyết các khiếu kiện của các hộ dân bị ảnh hưởng, UBND tỉnh Đồng Nai đã tạm ngưng việc thực hiện cưỡng chế để rà soát lại các hồ sơ pháp lý và trình tự thực hiện cưỡng chế.

b) KCN Hồ Nai giai đoạn II:

KCN Hồ Nai giai đoạn II có diện tích khoảng 271 ha thuộc địa bàn huyện Trảng Bom và TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hiện tại có Công ty VMEP thuê đất trực tiếp với nhà nước và đã xây dựng nhà xưởng hoạt động từ năm 2009 có diện tích khoảng 30 ha, do đó diện tích bồi thường còn lại của giai đoạn 2 khoảng 241 ha. Việc đầu tư KCN Hồ Nai giai đoạn II được phân làm 02 đợt đầu tư: đợt 1 (thực hiện năm 2016 - 2018) - có diện tích 165 ha thuộc địa bàn xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, xã Phước Tân và phường Long Bình, Tp. Biên Hòa và đợt 2 (thực hiện từ năm 2018) – có diện tích 76 ha thuộc địa bàn xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom.

Trong năm 2017, tại xã Hồ Nai 3, xã Phước Tân và phường Long Bình đã làm thủ tục nhận tiền bồi thường trên tổng số diện tích 12,04 ha với chi phí 50,26 tỷ đồng và bồi thường hỗ trợ khác cho các hộ dân theo quy định với tổng chi phí 7,65 tỷ đồng. Lũy kế diện tích đã bồi thường, hỗ trợ là 111,6 ha và nhận bàn giao mặt bằng là 100,02 ha.

3. Đầu tư tài chính dài hạn:

Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Dầu Tiếng Campuchia: 621 triệu đồng (tổng số đã góp đến 31/12/2017 là 8,92 tỷ / 9 tỷ đồng).

4. Kế hoạch bổ sung vốn thực hiện đầu tư:

- Kế hoạch tăng vốn điều lệ: Căn cứ nhu cầu đầu tư giai đoạn 2, Công ty đã xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và đã được chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Đến nay, đơn vị tư vấn đã nộp sơ hồ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xin cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Kế hoạch vay vốn: Trong kỳ, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đã giải ngân cho Công ty số tiền 51,412 tỷ đồng và lũy kế đến 31/12/2017 đã giải ngân được 266,35 tỷ đồng / 359 tỷ đồng, số tiền còn lại sẽ được giải ngân là 92,65 tỷ đồng.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Quản lý cổ đông: Tình hình cổ đông và vốn cổ phần tính đến thời điểm 31/12/2017, như sau:

Tổng số cổ đông: **50**, cụ thể:

- Cổ đông tổ chức: 3.593.500CP = 35.935.000.000đ (03 pháp nhân, chiếm 47,91% VDL)

Trong đó, vốn Nhà nước (Tập đoàn): 26.880.000.000 đồng, chiếm 35,84% VDL)

- Cổ đông cá nhân: 3.906.500CP = 39.065.000.000đ (47 cá nhân, chiếm 52,09% VDL)

- Vốn điều lệ: **75.000.000.000** đồng.

2. Quản lý các mặt hoạt động của Công ty:

- Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, quản lý kỹ thuật, quản lý công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài chính đã đi vào quy củ, luôn cập nhật và thực hiện đúng với các quy định pháp luật Nhà nước hiện hành và của Công ty.

- Công tác tổ chức và lao động tiền lương: Bộ máy tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất hoạt động có nền nếp từ Ban tổng giám đốc đến 5 phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực tiếp SXKD. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo tiền lương và tiền thưởng cho người lao động.

3. Các công tác khác:

a) Thu nộp ngân sách Nhà nước: Thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp Ngân sách NN.

b) Công tác thi đua khen thưởng: Kết quả bình xét thi đua năm 2017 như sau:

- Về tập thể: Được Tổng giám đốc Tập đoàn công nhận “Tập thể lao động xuất sắc” cho Tập thể CBCNV Công ty và 4 phòng chuyên môn: Tổ chức Hành chính, Tài chính Kế toán, Kinh doanh và Kỹ thuật.

- Về cá nhân: Có 67 người đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, trong đó đạt giấy khen của Công ty: 42 người; được tặng Bằng khen của Tổng giám đốc Tập đoàn: 21 người.

c) Công tác xã hội, từ thiện và chăm lo đời sống CB-CNV:

- Công ty và tập thể CB-CNV công ty luôn tích cực tham gia vào các công tác xã hội và từ thiện như: Quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ người nghèo do Tập đoàn và các địa phương yêu cầu, ... với tổng số tiền là: 71.150.000 đồng;

- Công đoàn đã phối hợp cùng với Ban tổng giám đốc tổ chức tốt việc chăm lo đời sống cho CB-CNV, năm 2017 có những hoạt động cụ thể sau: Tổ chức tham quan nghỉ mát tại Ninh Chữ (Ninh Thuận) với chi phí: 192.500.000 đồng; khám sức khỏe định kỳ, tặng quà thiếu nhi và học sinh giỏi là con của CBCNV công ty, hỗ trợ Ban nữ công công ty... với tổng kinh phí là: 53.222.000 đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được:

- Dù chịu sự tác động từ tình hình chung, nhưng Công ty luôn cố gắng để thực hiện tốt kế hoạch SXKD đã đề ra.

- Công ty đã tích cực tiến hành thủ tục bồi thường đất của dự án giai đoạn II KCN Hồ Nai, song song đó từng bước tháo gỡ ách tắc về giải phóng mặt bằng của giai đoạn I.

- Không ngừng hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý và điều hành đáp ứng yêu cầu của thực tế cũng như để chuẩn bị cho định hướng phát triển trong tương lai của Công ty.

2. Tồn tại, khó khăn:

- Khó khăn tồn tại lớn nhất của Công ty vẫn là công tác bồi thường đất.
- Việc điều chỉnh quy hoạch KCN thực hiện quá nhiều bước dẫn đến việc chậm trễ cho công tác đầu tư xây dựng hạ tầng của KCN.
- Hệ thống xử lý nước thải đang được cải tạo nhưng vận hành chưa ổn định.
- Một số doanh nghiệp trong KCN chưa có hoặc có hệ thống xử lý nước thải cục bộ của doanh nghiệp nhưng xử lý chưa đạt các chỉ tiêu theo quy định về xử lý nước thải trước khi xả ra hệ thống nước thải chung của KCN. Mặt khác, hệ thống thoát nước mưa và nước thải của KCN đã được đầu tư trên 10 năm, đến nay đã có một số đoạn xuống cấp làm cho nước mưa và nước thải chảy lẫn lộn nhau. Hiện Công ty đang tăng cường công tác giám sát, kiểm tra và sửa chữa hệ thống thoát nước mưa và nước thải khi phát hiện rò rỉ nước lẫn nhau.

PHẦN B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2018, tình hình thu hút đầu tư tại KCN Hồ Nai có những tín hiệu khả quan. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018 tại KCN Hồ Nai giai đoạn I (phần diện tích đất còn lại), và diện tích dự án giai đoạn II (phần diện tích đất còn lại của đợt 1) đang được sự giúp đỡ và hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, hy vọng sẽ được giải quyết trong thời gian gần nhất để Công ty đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê đất. Hiện đã có một số nhà đầu tư đến tìm hiểu, khảo sát và thỏa thuận thuê đất. Ngoài ra, dự án còn có khả năng thu hút các nhà đầu tư di dời từ KCN Biên Hòa 1.

Để phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm qua, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện thu hồi đất, cho thuê số diện tích đất còn lại của giai đoạn I và của đợt 1 giai đoạn II, phấn đấu thực hiện và hoàn thành tốt kế hoạch năm 2018, gồm các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ KH18/TH17
I	SẢN XUẤT KINH DOANH			
1	Tổng doanh thu	59.536	67.066	112,6%
	- Kinh doanh cơ sở hạ tầng	29.114	39.854	136,9%
	- Cung cấp nước sạch	15.475	15.876	102,6%
	- Xử lý nước thải	6.918	6.854	99,1%
	- Tư vấn & Thiết kế	3.738	500	13,4%
	- Kinh doanh khác	-	2.182	-
	- Hoạt động tài chính	2.722	1.800	66,1%
	- Thu nhập khác	1.569	-	-
2	Tổng chi phí	39.898	47.240	118,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	19.637	19.826	101,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	17.291	17.482	101,1%

5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	29,0%	26,1%	89,7%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL cuối kỳ báo cáo	23,1%	17,5%	75,8%
7	Nộp ngân sách Nhà nước	8.083	2.987	37,0%
8	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.591.000	8.500.000	112,0%
9	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.774.000	9.500.000	108,3%
II	ĐẦU TƯ	93.646	451.175	481,8%
1	Xây dựng cơ bản	91.982	443.545	482,2%
2	Trả nợ vay ngân hàng	1.043	7.550	723,9%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	621	80	12,9%

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng, cung cấp nước sạch và xử lý nước thải:

Thực hiện việc thu tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng đối với phần diện tích đã có hợp đồng với Công ty.

Đẩy mạnh tiến độ đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật KCN trên phần đất còn lại của giai đoạn I và phần đất đợt 1 của giai đoạn II để xúc tiến cho thuê trong năm 2018.

Đáp ứng việc cung cấp nước và xử lý nước thải theo nhu cầu của các doanh nghiệp hiện có và các doanh nghiệp đầu tư mới. Tăng cường kiểm soát cơ sở vật chất, khắc phục kịp thời các sự cố của hệ thống cấp nước; nâng cao năng lực vận hành, khai thác và quản lý để đảm bảo lượng nước ít thất thoát, và xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường.

2. Hoạt động tư vấn thiết kế:

Tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn thiết kế thực hiện dở dang của năm 2017 và tận dụng mối quan hệ đã có với các công ty trong và ngoài ngành cao su để nhận thêm các hợp đồng tư vấn thiết kế.

Đề ra các quy định chặt chẽ và thực hiện vai trò quản lý hoạt động tư vấn đầu tư và thiết kế công trình xây dựng nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Công tác bồi thường thu hồi đất:

Tiếp tục triển khai thực hiện các công tác bồi thường, thu hồi đất chưa hoàn thành trong năm 2017 (nêu trên) và triển khai công tác bồi thường, thu hồi đất phần còn lại của đợt 1 giai đoạn II tại xã Phước Tân và phường Long Bình thuộc TP. Biên Hòa và đợt 2 giai đoạn II tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom.

2. Công tác đầu tư cơ sở hạ tầng KCN và đầu tư khác:

Tập trung chủ yếu hoàn chỉnh các hạng mục còn lại của giai đoạn I và triển khai đầu tư trên phần đất đã bồi thường và thu hồi đất đợt 1 giai đoạn II với các hạng mục chủ yếu sau:

a) *Giai đoạn I:* Khai hoang và san ủi đất hữu cơ; hàng rào - nhà bảo vệ KCN (đoạn từ Cty Thái Phước đến Trạm cấp nước KCN); xây dựng tuyến đường trục chính song song với đường sắt đoạn K0 - K0+K983, đường 3A, 3B và các hệ thống cấp nước, thoát nước mưa và nước thải dọc theo các tuyến đường này.

b) *Giai đoạn II:* Chuẩn bị công tác mặt bằng như: rà mìn, san ủi, vận chuyển đất hữu cơ và san lấp mặt bằng; đầu tư xây dựng các tuyến đường D4, D3, D2, N1, N2, N3 và hệ thống cấp nước, thoát nước mưa và nước thải, chiếu sáng dọc theo các tuyến đường này; đầu tư xây dựng Trạm bơm

trung chuyển nước thải cho GDII và đường ống nước thải về trạm bơm, Trạm XLNT tập trung GDII; Thi công tạo tuyến tuyến đường N3 từ D4 nối vào đường Thành Thái.

c) *Thiết bị*: Mua sắm mới xe Toyota Fortune 07 chỗ và thanh lý xe Ford Everest 07 chỗ (mua năm 2006) và xe Toyota 16 chỗ (mua năm 2008); Mua sắm xe chữa cháy chuyên ngành (4 m³) theo quy định của Luật PCCC.

d) *Đầu tư tài chính dài hạn*: Năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư vào Dự án cao su Dầu Tiếng-Campuchia 80 triệu đồng (đủ phần vốn góp 9 tỷ đồng).

V. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2018

1.	Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2018	:
<u>451,175</u> tỷ đồng		
a. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	: 443,545 tỷ đồng;	
<i>Trong đó:</i>		
- Xây lắp	: 139,663 tỷ đồng;	
- Thiết bị	: 3,700 tỷ đồng;	
- Kiến thiết cơ bản khác	: 300,182 tỷ đồng.	
b. Trả nợ vay tín dụng dài hạn	: 7,550 tỷ đồng.	
c. Đầu tư tài chính dài hạn	: 0,080 tỷ đồng.	
2. Cân đối nguồn vốn	: <u>451,175</u> tỷ đồng	
- Vốn chủ sở hữu	: 58,061 tỷ đồng;	
- Vốn vay	: 180,071 tỷ đồng;	
- Vốn khác	: 213,043 tỷ đồng.	

VI. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI

- Thuận lợi**
 - Khu công nghiệp Hồ Nai, hiện tại đã có các doanh nghiệp đầu tư sản xuất các mặt hàng là sản phẩm phụ trợ cho các loại xe máy của công ty VMEP và của các hãng xe Nhật như Honda, Yamaha, Suzuki; các chi tiết cho ô tô và máy tính, ... vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục kêu gọi và thu hút các doanh nghiệp loại này và các khách hàng di dời từ KCN Biên Hòa 1;
 - Với các lợi thế như tuyến quốc lộ 1A và đường tránh TP. Biên Hòa chỉ cách KCN hơn 1km sẽ rút ngắn cự ly từ KCN đi TP. Hồ Chí Minh, các cảng biển, ... Dự án đầu tư cải tạo tuyến đường từ cầu Sập (QL1) song song với tuyến đường sắt Bắc Nam vào đến KCN Hồ Nai đã được thi công hoàn chỉnh;
 - Đội ngũ lãnh đạo, cán bộ - công nhân viên có đủ năng lực và kinh nghiệm để triển khai thực hiện nhiệm vụ chính.
- Khó khăn:**
 - Một số hộ dân còn lại trong KCN Hồ Nai giai đoạn I (từ năm 2003 đến nay) vẫn chưa chịu nhận tiền và bàn giao mặt bằng.
 - Tiến độ bồi thường thu hồi đất không đồng bộ do KCN Hồ Nai giai đoạn II tọa lạc trên 02 địa bàn cấp huyện là: huyện Trảng Bom và TP. Biên Hòa và việc này làm chậm tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng; việc bàn giao đất của một số hộ dân còn chậm do phải chờ thủ tục tái định cư của địa phương;
 - Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết KCN chậm cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai đầu tư giai đoạn II trên phần đất đã bồi thường và việc cho thuê đất;
 - Do địa hình phức tạp nên việc triển khai tạo mặt bằng cũng gặp nhiều khó khăn;

- Hệ thống kết nối giao thông từ hàng rào KCN đến Quốc lộ 1 nhỏ và hẹp do phải đi qua Khu dân cư;
- Khó khăn về vốn bồi thường, hỗ trợ do giá cao (bình quân 3,5 tỷ đồng/ 1ha) và thời gian bàn giao đất kéo dài dẫn đến áp lực lãi vay ngày càng cao.
- Nguồn vốn để triển khai thực hiện dự án KCN Hồ Nai giai đoạn II đang thiếu hụt.

3. Biện pháp triển khai:

- Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch KCN theo hướng tăng tỷ lệ đất thương phẩm, phù hợp với các quy định hiện hành trình các cơ quan có thẩm quyền của Tỉnh Đồng Nai để được sớm phê duyệt;
- Xúc tiến quảng bá hình ảnh và giới thiệu các thế mạnh của khu công nghiệp để thu hút khách hàng bằng nhiều hình thức trên website, bảng quảng cáo, tham gia các đợt xúc tiến đầu tư khi có điều kiện và thông qua kênh giới thiệu của các doanh nghiệp đã và đang đầu tư tại khu công nghiệp có mối quan hệ tốt với công ty nhiều năm qua;
- Bám sát chính quyền địa phương các cấp để lập phương án cưỡng chế các hộ dân còn lại của giai đoạn I và đẩy mạnh tiến độ kiểm kê, áp giá bồi thường của giai đoạn II;
- Khuyến khích thu hút đầu tư bằng “Quy chế hoa hồng môi giới”;
- Linh hoạt trong việc xây dựng giá cho thuê trình Hội đồng Quản trị phê duyệt để thu hút đầu tư tạo nguồn đầu tư, giảm bớt áp lực vốn vay;
- Tập trung cải tạo hệ thống XLNT nhằm vận hành xử lý ổn định;
- Nâng cao vai trò trách nhiệm và năng động của tập thể lãnh đạo từ Ban Tổng giám đốc điều hành đến các Trưởng, Phó phòng, và cán bộ - công nhân viên. Nắm bắt và chỉ đạo đề xuất kịp thời các ý tưởng, biện pháp... nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư, triển khai nhanh, bảo đảm tiến độ, chất lượng kỹ thuật theo đúng trình tự quy định, dám làm dám chịu trách nhiệm, không đùn đẩy, né tránh nhiệm vụ và trách nhiệm được giao;
- Các mặt công tác quản lý và điều hành cần phát huy cũng như khắc phục trong năm 2018 như sau: Tổ chức tốt các mặt hoạt động SXKD; đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN, đồng thời thực hiện đúng các quy định về đầu tư và quản lý kỹ thuật chặt chẽ; theo dõi, kiểm tra việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật trong KCN. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại KCN theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường đối với từng doanh nghiệp nói riêng và KCN nói chung; quản lý và vận hành tốt Trạm xử lý nước thải tập trung KCN, trạm bơm trung chuyển; quản lý các khoản chi phí một cách hợp lý, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Theo dõi, kiểm tra chặt chẽ việc thanh quyết toán, đặc biệt là tiến độ thanh quyết toán các loại công trình. Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định về công tác quản lý đã được ban hành để sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB-CNV; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong Công ty./.

Số: 17/BC-HONIZBKS

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỒ NAI NĂM 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát CTCP KCN Hồ Nai;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty năm 2017;

Căn cứ Báo cáo hoạt động của HĐQT; Báo cáo tình hình SXKD của Tổng giám đốc; Báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2017,

Ban Kiểm soát xin báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 các nội dung sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, các Nghị quyết của HĐQT trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017. Cụ thể như sau:

- Tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát, đánh giá kết quả của hoạt động kiểm soát qua các quý.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; kế hoạch đầu tư XD CB.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc ghi chép và lập Báo cáo tài chính.
- Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, các đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT và tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề liên quan.
- Lập Báo cáo công tác kiểm soát năm 2016 và kế hoạch năm 2017 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Lập các Báo cáo kiểm tra, giám sát về tình hình SXKD, hoạt động đầu tư XD CB, tình hình công nợ, tình hình sử dụng vốn đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ đã giao.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp HĐQT hàng quý theo quy định và đã ban hành các Nghị quyết để định hướng, chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

- Các Nghị quyết của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí cao của các thành viên. HĐQT đã tích cực, chủ động trong việc chỉ đạo, đáp ứng được yêu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT công ty.

- Hàng tháng, Ban Tổng giám đốc tổ chức họp giao ban đối với các phòng, bộ phận trong Công ty, nêu những công việc đã thực hiện và đang thực hiện của các phòng, bộ phận. Qua đó, Ban Tổng giám đốc có những ý kiến chỉ đạo đối với các phòng, bộ phận để việc thực hiện kế hoạch được hiệu quả hơn.

- Định kỳ hàng quý, Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT công ty.

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã trình bày và phân tích rõ các mặt mạnh, yếu cùng như các nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng tới các hoạt động của Công ty trong năm 2017.

Tuy nhiên, do những khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của KCN và do hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết KCN chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên việc triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chậm so với kế hoạch.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2017:

1. Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017:

ĐVT: triệu đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % TH/KH
I	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tổng doanh thu Trong đó: <i>Doanh thu kinh doanh hạ tầng</i>	59.704 29.104	59.536 29.114	99,71% 100,03%
2	Tổng chi phí	42.330	39.898	94,25%
3	Lợi nhuận trước thuế	17.374	19.637	113,03%
4	Thuế TNDN phải nộp	1.897	2.346	123,65%

5	Lợi nhuận sau thuế	15.477	17.292	111,72%
6	Số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	6.887	8.084	117,37%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VDL	20,64%	23,06%	
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT	25,92%	29,04%	
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.878	2.098	
II	HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	134.974	93.645	69,38%
1	XDCB	133.230	91.981	69,04%
2	Trả nợ vay ngân hàng	1.043	1.043	100,00%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	701	621	88,59%
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG			
1	Lao động bình quân trong năm (người)	65	65	
2	Tổng quỹ lương	5.840	5.921	101,39%
3	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.487.000	7.591.000	101,39%
4	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.545.000	8.774.000	101,26%

Trong kỳ, Công ty đã vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường và bị xử phạt với tổng số tiền là 1.392 triệu đồng. Công ty đang tìm cách khắc phục thông qua việc ký kết các hợp đồng đánh giá hiện trạng hoạt động hệ thống xử lý nước thải hiện hữu và đề xuất phương án cải tạo.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 của Công ty.

Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017:

ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	CK/ĐK
1	Tổng tài sản	441.936.572.566	517.178.261.807	117,03%
	- Tài sản ngắn hạn	47.737.893.030	36.496.282.768	76,45%
	- Tài sản dài hạn	394.198.679.536	480.681.979.039	121,94%
2	Tổng nguồn vốn	441.936.572.566	517.178.261.807	140,0%
	- Nợ phải trả	304.910.710.710	370.416.908.908	121,48%
	Trong đó:			
	- Vay ngắn hạn, dài hạn	214.823.787.000	266.346.115.000	

- Vốn chủ sở hữu	137.025.861.856	146.761.352.899	107,10%
- <i>Vốn góp của CSH</i>	75.000.000.000	75.000.000.000	
- <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	19.758.850.000	19.758.850.000	
- <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	34.611.667.208	36.340.842.030	
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	7.655.344.648	15.661.660.869	

- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ tăng 1,7 lần so với đầu kỳ.
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 1,1 lần.

3. Về hoạt động đầu tư và XDCB:

- Tổng vốn đầu tư năm 2017 là 93,65 tỷ đồng, chỉ đạt 69,38% so với kế hoạch điều chỉnh (134,97 tỷ đồng).

- Hoạt động đầu tư trong năm 2017 chủ yếu là công tác bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án KCN đợt 1 - giai đoạn 2 và hỗ trợ bổ sung để thực hiện dự án KCN giai đoạn 1 với tổng giá trị phát sinh năm 2017 là 59,49 tỷ đồng, trong đó đợt 1 - giai đoạn II là 57,91 tỷ đồng (vốn tín dụng ngân hàng là 48,43 tỷ đồng) cho diện tích đất là 12,39 ha; lãi tiền vay là 22,11 tỷ đồng; chi phí xây lắp các tuyến đường giai đoạn là 6,21 tỷ đồng (vốn tín dụng ngân hàng là 4,14 tỷ đồng).

- Lũy kế đến ngày 31/12/2017, công tác bồi thường đất đợt 1 - giai đoạn 2, Công ty đã giải ngân số tiền là 344,04 tỷ đồng trên số diện tích 111,8 ha, trong đó vốn vay tín dụng dài hạn ngân hàng là 262,21 tỷ đồng, lãi tiền vay là 45,29 tỷ đồng. Tổng diện tích đất đã thu hồi của đợt 1 - giai đoạn 2 là 100,02 ha. Số còn lại chưa bàn giao đất do các hộ dân còn phải chờ thủ tục tái định cư và các hỗ trợ khác của địa phương.

4. Về hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính (2.722 triệu đồng) là việc thu cổ tức của Công ty CP Khu công nghiệp Dầu Giây, cổ tức của Công ty CP Cáp nhựa Vĩnh Khánh và tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng. Chi phí hoạt động tài chính (670 triệu đồng) chủ yếu là việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và lãi tiền vay Ngân hàng VCB Đồng Nai.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017:

- Công ty đã thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Trong đó, chi cổ tức đợt 2 năm 2016 là 8% trên vốn điều lệ là 75 tỷ đồng.

- Thực hiện trích thù lao HĐQT và BKS năm 2017 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Công ty đã xây dựng phương án tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Đến nay, đơn vị tư vấn đã nộp sơ hồ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xin cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 74/NQ-HONIZHĐQT tại phiên họp ngày 09/04/2018 của HĐQT Công ty CP Khu công nghiệp Hồ Nai có nêu nội dung chưa tăng vốn điều lệ theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

C. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Qua công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017, Ban Kiểm soát có những kiến nghị sau đây:

- Công ty cần theo dõi quá trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết KCN để có quyết định đầu tư phù hợp.
- Bám sát chính quyền địa phương các cấp để có biện pháp thu hồi phần đất còn lại của giai đoạn 1; đẩy mạnh công tác bồi thường, thu hồi đất giai đoạn 2; xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật KCN để có quỹ đất cho thuê trong năm 2018 nhằm tăng nguồn vốn và doanh thu cho đơn vị.
- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Có những giải pháp hiệu quả trong việc quản lý và thu hồi công nợ (lưu ý đến khoản nợ xấu là 606 triệu đồng – Công ty đã trích lập dự phòng vào các năm trước).
- Cập nhật chứng từ bồi thường của Dự án KCN giai đoạn 1.
- Đối với các khoản bồi thường, hỗ trợ di dời, Công ty cần phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất địa phương để cập nhật chứng từ chi cho các hộ dân.
- Đối với các hạng mục công trình XD CB, đề nghị Công ty lưu ý đến các thủ tục và trình tự về XD CB.
- Đề nghị ĐHĐCĐ cho ý kiến về việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng (đợt 2) của Công ty.

D. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty.
- Tích cực thực hiện công tác kiểm tra định kỳ, kiểm tra các báo cáo hoạt động của HĐQT, Ban điều hành để có các góp ý kịp thời, cần thiết.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo chức năng và nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo của Ban Kiểm soát về công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2017 và kế hoạch công tác năm 2018. Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Đỗ Đông Phương

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN HỒ NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-HONIZHĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2017
& Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.**

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HONIZ ngày 02/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số: 75/NQ-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai v/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018,

Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai kính trình Đại hội về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017:

ĐVT: đồng

Stt	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Doanh thu	59.710.290.069	59.535.850.094
2	Chi phí	42.335.962.659	39.898.432.835
3	Lợi nhuận trước thuế	17.374.327.410	19.637.417.259
4	Lợi nhuận sau thuế	15.477.310.117	17.291.748.217
5	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	2.940.688.922	3.285.432.161
	- Quỹ phát triển doanh nghiệp (10%)	1.547.731.012	1.729.174.822
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (8%)	1.238.184.809	1.383.339.857
	- Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (1%)	154.773.101	172.917.482
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	12.536.621.195	14.006.316.056
7	Tỷ lệ chia cổ tức (theo mệnh giá ỏ phần)	17,74%	12,00%
	- Cổ tức đã chi đợt 1: 06,00%		4.500.000.000
	- Cổ tức chi đợt 2 (đề nghị): 06,00%		4.500.000.000
8	Thời điểm chia cổ tức đợt 2 năm 2017: 15 ngày sau ĐHĐCĐ thường niên 2018.		
9	Lợi nhuận còn lại	-	5.006.316.056

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018:

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
1	Doanh thu	67.066
2	Chi phí	
3	Lợi nhuận trước thuế	19.826
4	Lợi nhuận sau thuế	17.482
5	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	3.322
	- <i>Quỹ phát triển doanh nghiệp (10%)</i>	<i>1.748</i>
	- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi (8%)</i>	<i>1.399</i>
	- <i>Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành (1%)</i>	<i>175</i>
6	Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức	14.160
7	Tỷ lệ chia cổ tức	10%
8	Thời điểm và tỷ lệ chia cổ tức: - Đợt 1: Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ và thời điểm chia cổ tức đợt 1 năm 2018 căn cứ vào Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2018 do Ban điều hành trình. - Đợt 2: Do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 quyết định.	

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN HỒ NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-HONIZHĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán tiền lương và thù lao năm 2017
& Dự trù tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2018.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HONIZ ngày 02/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số: 75/NQ-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai v/v quyết toán tiền lương và thù lao năm 2017 và dự trù tiền lương và thù lao HĐQT & BKS năm 2018,

Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai kính trình Đại hội về việc Quyết toán tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và Dự trù tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018, cụ thể như sau:

**III. QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017:**

Stt	Đơn vị/ Chức danh	Số người	Lương/ Thù lao (tháng)	Số tháng	Thành tiền	GHI CHÚ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Chủ tịch	1	3.000.000	12	36.000.000	Kiểm nhiệm
2	Thành viên	4	2.000.000	12	96.000.000	Kiểm nhiệm
3	Thư ký	1	1.000.000	12	12.000.000	Kiểm nhiệm
CỘNG (I):					144.000.000	
II	BAN KIỂM SOÁT					
1	Trưởng Ban (chuyên trách)	1	11.160.000	11	122.760.000	Tiền lương
				1	11.667.273	
					23.969.000	Lương bổ sung
					5.700.000	Tiền ăn giữa ca
2	Kiểm soát viên	2	1.000.000	12	24.000.000	Kiểm nhiệm
CỘNG (II):					188.096.273	
TỔNG CỘNG:					332.096.273	

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi hai triệu chín mươi sáu ngàn hai trăm bảy ba đồng.

Ghi chú: Dự trù tiền lương và thù lao HĐQT và BKS được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 là: 342.600.000 đồng.

IV.DỰ TRÙ TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2018

Stt	Đơn vị/ Chức danh	Số người	Lương/ Thù lao (tháng)	Số tháng	Thành tiền	GHI CHÚ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Chủ tịch	1	3.000.000	12	36.000.000	Kiểm nhiệm
2	Thành viên	4	2.000.000	5	40.000.000	Kiểm nhiệm
		6	2.000.000	7	84.000.000	
3	Thư ký	1	1.000.000	12	12.000.000	Kiểm nhiệm
CỘNG (I):					172.000.000	
II	BAN KIỂM SOÁT					
1	Trưởng Ban	1	11.160.000	12	133.920.000	Chuyên trách (*)
			11.160.000	3	33.480.000	Lương bổ sung (**)
			600.000	12	7.200.000	Tiền ăn giữa ca
2	Kiểm soát viên	2	1.000.000	12	24.000.000	Kiểm nhiệm
CỘNG (II):					198.600.000	
TỔNG CỘNG:					370.600.000	

Bảng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng.

Ghi chú:

(*) Trưởng Ban KS chuyên trách có mức lương tương đương Trưởng phòng bậc 1 của Công ty.

(**) Lương bổ sung của Trưởng BKS sẽ được nhận tương đương với số tháng lương bổ sung mà CB-CNV công ty được hưởng trong năm 2018.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP KCN HỒ NAI**

Số: /TTr-HONIZBKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2018.

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỒ NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai;

Căn cứ Nghị quyết số: 75/NQ-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai v/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018,

Ban Kiểm soát CTCP KCN Hồ Nai kính trình Đại hội về việc thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận chọn một trong ba đơn vị sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam.

Đây là các đơn vị đã thực hiện dịch vụ tư vấn kiểm toán với Công ty trong việc kiểm toán báo cáo tài chính và hoàn thành tốt công việc.

2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trên.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Lưu: VT, BKS.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN HỒ NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-HONIZHĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỒ NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 27/5/2016;

Căn cứ Nghị quyết số: 75/NQ-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty,

Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai kính trình Đại hội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

V. Mục tiêu điều chỉnh:

Điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

VI. Phương pháp thực hiện:

Xây dựng Điều lệ mới thay thế Điều lệ hiện hành trên cơ sở kế thừa toàn bộ các Chương, Điều, Khoản của Điều lệ hiện hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 27/5/2016, chỉ hoàn thiện về câu từ, hình thức trình bày, điều chỉnh số hiệu các điều khoản áp dụng tương ứng với Luật Doanh nghiệp 2014 và bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

VII. Các nội dung điều chỉnh chủ yếu:

Điều lệ hiện hành (2016)	Điều lệ sửa đổi, bổ sung (2018)
Khoản 3, Điều 8: Cổ phiếu thuộc cổ phần bán với giá ưu đãi theo phương thức trả dần cho người lao động nghèo trong Công ty...	Điều 9: Bỏ Khoản này vì hiện Công ty không còn cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động nghèo (Điều 9 chỉ còn 2 khoản).
Điểm a, khoản 2, Điều 11: Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;	Điểm a, khoản 2, Điều 12: Cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
Khoản 3, Điều 11: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: ...	Khoản 3, Điều 12: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: ...
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông

	Thêm Khoản 2: 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Điểm l, Khoản 2, Điều 14: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ <u>50%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Điểm o, Khoản 2, Điều 14: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với <u>giá trị bằng hoặc lớn hơn 20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Điểm l, Khoản 2, Điều 15: Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán. Điểm n, Khoản 2, Điều 15: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với <u>giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
Khoản 1, Điều 16: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người <u>nắm giữ ít nhất 75%</u> quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.	Khoản 1, Điều 17: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông <u>nắm giữ ít nhất 65%</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
Điểm a, Khoản 2, Điều 17: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông...	Điểm a, Khoản 2 Điều 18: Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua <u>khi có từ 65%</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua <u>khi có từ 51%</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Thông qua báo cáo tài chính năm; b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Cty; c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện <u>có giá trị từ 50%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi <u>có từ 75%</u> trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	doanh nghiệp. 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại và giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện <u>có giá trị từ 35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi <u>có từ 65%</u> trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
Khoản 2, Điều 21: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Khoản 8, Điều 21: Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 2, Điều 22: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và <u>phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</u>. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này. Bổ sung Khoản 5, Điều 22: Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về Công ty theo các hình thức sau: a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Khoản 8, Điều 22: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung vào cuối Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>trong vòng 30 ngày</u> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật

	Doanh nghiệp và Điều lệ này.
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Khoản 3, Điều 24: Các cổ đông nắm giữ dưới 2,5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 2,5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Thêm Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ học vấn; c) Trình độ chuyên môn; d) Quá trình công tác; e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i) Các thông tin khác (nếu có). Khoản 2, Điều 25: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
Khoản 1 Điều 24. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Khoản 1 Điều 26: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại

không hạn chế...	với số nhiệm kỳ không hạn chế.
	Thêm Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
Điều 26. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị (Không có chức danh Phó chủ tịch HĐQT?)
Khoản 2, Điều 27: Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Khoản 4, Điều 27: Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp.... Khoản 8, Điều 27: Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số	Khoản 2, Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Khoản 4, Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này... Khoản 8, Điều 30: Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông

thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Khoản 14 Điều 27: Biên bản họp Hội đồng quản trị... được lập bằng tiếng Việt và phải có <u>chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</u>	qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. (Bổ sung): <u>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u> Khoản 15 Điều 30: Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <u>có thể lập bằng tiếng Anh.</u> Biên bản phải có <u>chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.</u>
Khoản 15, Điều 27: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị	Thêm Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Nội dung như khoản 15 Điều 27 cũ)
Điều 31. Thư ký Công ty (Bổ chức danh Thư ký công ty và thay đổi thành Người phụ trách quản trị công ty)	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty - Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. - Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: - Có hiểu biết về pháp luật; - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. - Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. - Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; - Tham dự các cuộc họp; - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

	h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát <i>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát gồm có ba (03) người. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban...</i>	Thêm Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên Tương tự như Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị. (Thay cụm từ “Thành viên Ban kiểm soát” bằng cụm từ “Kiểm soát viên”) Điều 37. Kiểm soát viên Khoản 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải <u>làm việc chuyên trách tại Công ty...</u>

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU.....	39
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	39
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	39
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	40
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	40
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	40
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	40
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	40
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	41
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	41
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	41
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	42
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	42
Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.....	42
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	42
Điều 10. Thu hồi cổ phần	43
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	43
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý	43
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	43
Điều 12. Quyền của cổ đông	43
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	44
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	45
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	46
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	47
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	48
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	48
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	50
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	50
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	52
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	52
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	54
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	55
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	55
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	55
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	56
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	56

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	58
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	58
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	59
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	61
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	62
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	62
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	62
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	63
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	63
IX. BAN KIỂM SOÁT	64
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	64
Điều 37. Kiểm soát viên.....	64
Điều 38. Ban kiểm soát	65
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	66
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	66
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	66
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	67
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	67
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	67
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	68
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	68
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	68
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	68
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	69
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	69
Điều 46. Năm tài chính	69
Điều 47. Chế độ kế toán.....	69
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	69
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	69
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	70
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	70
Điều 50. Kiểm toán	70
XVII. CON DẤU	70
Điều 51. Con dấu.....	70
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	71
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	71
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	71
Điều 54. Thanh lý.....	71

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	72
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	72
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	72
Điều 56. Điều lệ công ty.....	72
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	72
Điều 57. Ngày hiệu lực	72

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng ... năm

II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

III. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **HONAI INDUSTRIAL ZONE JOINT-STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **HONIZ**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 02513 671039

- Fax: 02513 671040

- E-mail: honiz@vnn.vn

- Website: honiz.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có ... người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

2. [Chủ tịch Hội đồng quản trị]:

3. Tổng giám đốc:

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.

IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh địa ốc; Cung cấp và kinh doanh nước sinh hoạt, nước sản xuất; Sản xuất nước uống đóng chai. Mua bán nước giải khát các loại; mua bán vật liệu xây dựng.

- Lĩnh vực dịch vụ: Dịch vụ cho thuê kho bãi; Dịch vụ pháp lý về quản lý đầu tư và xây dựng; Dịch vụ khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, phúc lợi công cộng; Dịch vụ in ấn, photocopy, cho thuê máy móc thiết bị ngành xây dựng và trắc địa.

- Lĩnh vực tư vấn: Tư vấn đầu tư, lập dự án, hồ sơ xin phép đầu tư cho doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; Tư vấn thiết kế, xin phép thi công xây dựng nhà xưởng và các công trình hạ tầng kỹ thuật cho các nhà đầu tư; Tư vấn xây dựng: Khảo sát địa hình, địa chất công trình xây dựng; lập quy hoạch xây dựng và thiết kế quy hoạch chi tiết khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị; Tư vấn lập và thẩm định dự án đầu tư; tư vấn giám sát thi công, quản lý thực hiện dự án đầu tư; tư vấn đấu thầu; Tư vấn xuất nhập khẩu.

- Lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng: Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng, giao thông đường bộ, thủy lợi, trạm biến áp và đường dây đến 35 KV, cấp thoát nước và xử lý nước thải; Thi công trang trí nội, ngoại thất; Thi công các công trình khai hoang, san lấp mặt bằng; Khoan và khai thác nước ngầm; Điều tra thổ nhưỡng; Khảo sát và lập quy hoạch các dự án đầu tư cho các loại công trình; Đo đạc, lập bản đồ địa chính.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo những ngành nghề đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 75.000.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng một cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm một loại cổ phần là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn một tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không cao hơn lãi suất tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc.

VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
- j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - e) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- f) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - g) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - h) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c) Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa

vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày (30) kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

d) Thông qua báo cáo tài chính năm;

e) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

f) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại và giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- c) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- d) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- j) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- k) Trình độ học vấn;
- l) Trình độ chuyên môn;
- m) Quá trình công tác;
- n) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- o) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- p) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- q) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- r) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)

ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ... người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên của Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và Công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (nếu xét thấy cần thiết).

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá sáu tháng.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu ở Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó

mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kê trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

d) Có hiểu biết về pháp luật;

e) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

f) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

j) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

k) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

l) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

m) Tham dự các cuộc họp;

n) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

o) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

p) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

q) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được

trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những

người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các quyền khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp công ty đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVIII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi ngày (20) làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu tổ chức trung gian hay chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 201... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c) Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG GIÁM ĐỐC

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN HỒ NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-HONIZHĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỒ NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai đã được Đại hội thông qua,

Hội đồng quản trị CTCP KCN Hồ Nai kính trình Đại hội về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (có văn bản kèm theo), cụ thể:

1. Mục tiêu của Quy chế: Thể chế hóa các nguyên tắc làm việc làm cơ sở để đánh giá hoạt động quản trị nội bộ và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Công ty.

2. Các nội dung chính:

- a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Trình tự, thủ tục về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
 - d) Trình tự, thủ tục về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
 - e) Trình tự, thủ tục về lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
 - f) Quy trình, thủ tục về phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc;
 - g) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Tổng GD và Người điều hành doanh nghiệp khác;
 - h) Trình tự, thủ tục về lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (nếu có);
 - i) Các vấn đề khác;
 - j) Tổ chức thực hiện.
- Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Lưu: VT.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI**
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: ngày tháng năm)

Để thể chế hóa các nguyên tắc làm việc làm cơ sở để đánh giá hoạt động quản trị nội bộ và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai đã thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty với các nội dung sau:

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- f) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- g) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- h) Phiếu biểu quyết;
- i) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- j) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a) Xác nhận tham dự: Cổ đông không phân biệt số lượng cổ phần sở hữu có quyền tham dự tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức được thuận lợi, tránh lãng phí, cổ đông được yêu cầu xác nhận trước việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thông việc lựa chọn một trong các hình thức như: điện thoại, gửi thư điện tử (mail), fax, gửi thư xác nhận theo mẫu hoặc đăng ký trực tiếp với Ban tổ chức Đại hội ít nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc Đại hội.

b) Ủy quyền: Cổ đông không thể trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự theo Điều 16 Điều lệ công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cho mỗi người đại diện. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

4. Cách thức bỏ phiếu:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

5. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo trình tự như khi tiến hành biểu quyết trên.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu, trong đó nêu rõ vấn đề đã được biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết “đồng ý”, “không đồng ý” và “không có ý kiến (phiếu trắng)”.

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.

7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp):

- Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý hoặc dùng thẻ biểu quyết để biểu quyết “không đồng ý” hoặc có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty.

- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu phải bằng văn bản,

trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề trên.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Chủ tọa chỉ định Thư ký đại hội để ghi chép cụ thể các nội dung, sự việc diễn ra theo tiến trình Đại hội và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty.

- Trước khi bế mạc, Thư ký đọc Biên bản trước Đại hội và cổ đông có quyền đề nghị Chủ tọa yêu cầu Thư ký điều chỉnh lại nội dung Biên bản cho phù hợp và Biên bản phải được Đại hội biểu quyết thông qua.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin theo quy định.

10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản):

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội và cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

- Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

- Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các vấn đề sau đây không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.

d) Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại và giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

11. Các vấn đề khác:

a) Nhằm chuẩn bị chu đáo cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội và bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Ban tổ chức Đại hội công khai tài liệu họp, hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho cổ đông theo quy định;

c) Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua Báo cáo tài chính năm;

d) Các vấn đề khác đã được quy định cụ thể trong Điều lệ công ty.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Là cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc không phải là cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực khu công nghiệp.

- Không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tỷ lệ cổ phần so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử như sau:

- + Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- + Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- + Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- + Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- + Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- + Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- + Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- + Và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị và quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông để Đại hội biểu quyết thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

- Sau khi trúng cử, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới lựa chọn một (01) trong số các thành viên để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị và thông báo trước Đại hội đồng cổ đông.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

4.1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

h) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

i) Có đơn từ chức;

j) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

k) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

l) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

m) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

n) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.2. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

4.3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 30 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Việc bổ nhiệm, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

6.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

s) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- t) Trình độ học vấn;
- u) Trình độ chuyên môn;
- v) Quá trình công tác;
- w) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- x) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- y) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- z) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- aa) Các thông tin khác (nếu có).

6.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty có trách nhiệm thực hiện việc thông báo cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông những thông tin về ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm 6.1 trên.

III. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty, cụ thể:

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp):

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

- Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cách thức biểu quyết:

3.1. Biểu quyết:

f) Trừ quy định tại điểm b dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

g) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

h) Theo quy định tại điểm d dưới đây, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

i) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

j) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị không dự họp được có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị: Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được thông báo trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- c) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- d) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty:

- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty (tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị).
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

- Số lượng, cơ cấu Ban kiểm soát và quy chế bầu cử Kiểm soát viên được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông đề Đại hội biểu quyết thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
- Sau khi trúng cử, các Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số và thông báo trước Đại hội đồng cổ đông. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

4.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- e) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- f) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- g) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- e) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- f) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- g) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

1. Người điều hành doanh nghiệp của Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty (nếu có), Giám đốc Chi nhánh (nếu có).

2. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:

- Hiểu biết pháp luật và có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty, nhất là trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.
- Không được đồng thời làm Tổng giám đốc tại một doanh nghiệp khác.

3. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

Người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

4. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp:

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

5. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành và bổ nhiệm người mới thay thế.

6. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các cán bộ quản lý khác của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

VI. QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ mời Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên (nếu xét thấy cần thiết) và có thể mời một số thành viên trong Ban điều hành tham dự. Các thành viên được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền biểu

quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị gửi đến các thành viên được mời này trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

b) Các cuộc họp có nội dung quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành tham dự để thảo luận về những vấn đề liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

c) Các cuộc họp có nội dung quan trọng của Ban điều hành, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát tham dự để thảo luận về những vấn đề liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc: Bản sao biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc cùng thời điểm với việc gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- Theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty, Tổng giám đốc hoặc Ban kiểm soát có quyền đề nghị bằng văn bản về việc triệu tập họp Hội đồng quản trị; trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b) Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- Thành lập các công ty con của Công ty;
- Việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp;
- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

- Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

- Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo với các cơ quan này khi được yêu cầu.

- Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp và các chức danh thuộc quyền quản lý của Tổng giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

- Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, Tổng giám đốc phải tổ chức họp Ban điều hành để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề được ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được làm bằng văn bản và có chữ ký của Trưởng ban kiểm soát.

- Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- + Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm).

- + Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty (theo định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm).

- + Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh và đầu tư chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

- + Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý theo kế hoạch kinh doanh và đầu tư. Bản dự toán hàng năm (bao gồm bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động kinh doanh và đầu tư và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua.

- Mọi quyết định và văn bản chỉ đạo điều hành của Ban điều hành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty phải được gửi đến Hội đồng quản trị một (01) bản để báo cáo.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

- Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại, email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác có thể tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá.
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm.
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động: Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

3. Khen thưởng, kỷ luật:

- Hội đồng quản trị quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- Tổng giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

- Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý các vi phạm kỷ luật đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

4. Đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b) Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần quỹ tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

c) Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

5. Đối với Kiểm soát viên:

a) Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

b) Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị thẩm định và quyết định sử dụng một phần quỹ tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

c) Kỷ luật: Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình. Các Kiểm soát viên có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

6. Đối với Tổng giám đốc:

a) Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả, hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

b) Khen thưởng: Hội đồng quản trị quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung, trong đó có Tổng giám đốc và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

c) Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

7. Đối với các người điều hành doanh nghiệp khác:

a) Đánh giá hoạt động: Việc đánh giá hoạt động của các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã được ký kết giữa Công ty với các cán bộ đó.

b) Khen thưởng: Hội đồng quản trị quyết định việc chi thưởng cụ thể cho các người điều hành doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách khen thưởng của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung, trong đó có các người điều hành doanh nghiệp khác.

c) Kỷ luật: Các người điều hành doanh nghiệp khác có thể bị kỷ luật theo quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị hoặc các quy định, quy chế khác của Công ty.

VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY (NẾU CÓ)

Người phụ trách quản trị công ty (nếu có) được quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty, cụ thể:

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- g) Có hiểu biết về pháp luật;
- h) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- i) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (nếu có): Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao;
- Có đơn xin thôi việc;
- Các trường hợp khác theo Điều lệ công ty và Hợp đồng lao động đã thỏa thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc công ty.

IX. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

1. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh xung đột về quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và tránh xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải có trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được áp dụng trong mọi phạm vi và cấp độ hoạt động của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai.

2. Những vấn đề khác không được nêu ra trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai có trách nhiệm phổ biến Quy chế nội bộ về quản trị công ty đến các đối tượng có liên quan và nghiêm túc tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

QUY CHẾ
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần KCN Hố Nai,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần KCN Hố Nai xây dựng Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, như sau:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo đúng luật pháp Việt Nam.
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần KCN Hố Nai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thực hiện theo các quy định trong Quy chế này.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần KCN Hố Nai hoặc những người được ủy quyền tham dự Đại hội hợp lệ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT: Số lượng thành viên HĐQT là bảy (07) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
3. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều lệ công ty, cụ thể:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
 - b) Có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần KCN Hố Nai.
 - c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:

- + Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- + Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- + Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- + Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- + Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- + Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- + Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- + Và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Chủ tọa hoặc các cổ đông khác đề cử.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT gồm có:
 - a) Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT hoặc BKS;
 - b) Thông tin về ứng viên.

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty cổ phần KCN Hồ Nai theo địa chỉ:

Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty cổ phần KCN Hồ Nai

Địa chỉ: KCN Hồ Nai - xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513671039 Fax: 02513671040

Điều 6. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT Công ty cổ phần KCN Hồ Nai sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên HĐQT được bầu bổ sung do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phần, tổng số thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 5. Cổ đông A sẽ có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với 5.000 phiếu cho 5 ứng cử viên.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bảng số cổ phần mà cổ đông sở hữu nhân với số thành viên được bầu).

Điều 7. Tổ chức và giám sát bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu:

a) Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b) Ban Kiểm phiếu có 5 thành viên, gồm 1 Trưởng ban và 4 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT và không nhất thiết phải là cổ đông dự họp.

2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT;

- b) Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;
- c) Phân phát và thu phiếu bầu cử;
- d) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- e) Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
- f) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
- g) Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- h) Và các nhiệm vụ liên quan khác;
- i) Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu:

a) Phiếu bầu do Công ty cổ phần KCN Hồ Nai phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty cổ phần KCN Hồ Nai, có mã số đại biểu của cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

2. Cách ghi phiếu bầu:

a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột Số phiếu bầu tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b) Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số 0 hoặc gạch chéo vào cột Số phiếu bầu.

c) Cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc bầu cho tất cả số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

d) Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (= số cổ phần x số thành viên được bầu).

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (= số cổ phần x với số thành viên được bầu);

c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phiếu không do Công ty cổ phần KCN Hồ Nai phát hành hoặc không có con dấu của Công ty cổ phần KCN Hồ Nai.

b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới).

c) Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

d) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền).

e) Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 9. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát.

4. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau hoặc tất cả các ứng cử viên đó không phải là cổ đông của Công ty cổ phần KCN Hồ Nai thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.

4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên HĐQT và bầu bổ sung trong phiên họp Đại hội kỳ sau theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 11. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

b) Thành phần Ban kiểm phiếu;

c) Mục đích, nội dung bỏ phiếu;

d) Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;

e) Kết quả bầu cử;

f) Chữ ký của Thành viên Ban kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần KCN Hồ Nai thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị năm 2018.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HƯỚNG DẪN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

(Ban hành kèm theo Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua)

1. Loại phiếu bầu:

Giấy A5, màu xanh.

2. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên HĐQT được bầu do Đại hội thông qua.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên **nhưng tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.**

Ví dụ: Giả sử số thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 4 thành viên, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết danh sách ứng cử viên HĐQT là 5 người. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: $(1.000 \times 4) = 4.000$ phiếu bầu. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu theo các phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều phiếu bầu của mình cho 4 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu)

STT	HỌ VÀ TÊN ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	ỨNG VIÊN 1	1.000
2	ỨNG VIÊN 2	1.000
3	ỨNG VIÊN 3	1.000
4	ỨNG VIÊN 4	1.000
5	ỨNG VIÊN 5	0
TỔNG SỐ PHIẾU BẦU		4.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên (Ví dụ: Dồn hết cho Ứng viên 3)

STT	HỌ VÀ TÊN ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	ỨNG VIÊN 1	0
2	ỨNG VIÊN 2	0
3	ỨNG VIÊN 3	4.000
4	ỨNG VIÊN 4	0
5	ỨNG VIÊN 5	0
TỔNG SỐ PHIẾU BẦU		4.000

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho 2 ứng viên (Ví dụ: Chia cho ứng viên 2 và ứng viên 3)

STT	HỌ VÀ TÊN ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	ỨNG VIÊN 1	0
2	ỨNG VIÊN 2	3.000
3	ỨNG VIÊN 3	1.000
4	ỨNG VIÊN 4	0
5	ỨNG VIÊN 5	0
TỔNG SỐ PHIẾU BẦU		4.000

Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho tất cả 5 ứng viên nhưng không đều nhau

STT	HỌ VÀ TÊN ỨNG CỬ VIÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	ỨNG VIÊN 1	1.500
2	ỨNG VIÊN 2	1.200
3	ỨNG VIÊN 3	800
4	ỨNG VIÊN 4	300
5	ỨNG VIÊN 5	200
TỔNG SỐ PHIẾU BẦU		4.000

3. Bỏ phiếu: Bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu đã được niêm phong.

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có con dấu của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hồ Nai.

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên người không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

- Phiếu có **tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ** (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KCN HỐ NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-HONIZHĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị
& Bầu bổ sung Thành viên HĐQT - Nhiệm kỳ 2015-2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KCN HỐ NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần KCN Hố Nai;

Căn cứ Nghị quyết số: 75/NQ-HONIZHĐQT ngày 11/5/2018 của Hội đồng quản trị CTCP KCN Hố Nai v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị,

Hội đồng quản trị CTCP KCN Hố Nai kính trình Đại hội thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020, cụ thể như sau:

3. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với các Ông:

- **Ông Đỗ Hữu Phước:** Căn cứ Quyết định số 47/HĐTVCSVN ngày 02/3/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v thôi làm Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty CP KCN Hố Nai, thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP KCN Hố Nai đối với Ông Đỗ Hữu Phước.

- **Ông Huỳnh Thanh Xuân:** Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT.

4. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT: Căn cứ quyết định của Đại hội v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty thì số lượng thành viên Hội đồng quản trị công ty được tăng từ năm (05) lên bảy (07) thành viên, vì vậy hiện Hội đồng quản trị còn khuyết bốn (04) thành viên. Hội đồng quản trị công ty đã thống nhất danh sách và đã cung cấp thông tin cá nhân của các ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT, gồm có:

- Ông Huỳnh Đức Tấn;
- Ông Trần Mạnh;
- Bà Dương Kiều Anh;
- Ông Dương Đình Thóa.

Kính trình Đại hội xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Lưu: VT.

THÔNG TIN
DANH SÁCH ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI

1. HUỲNH ĐỨC TẤN Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày sinh: 07/10/1972
- CMND số: 023620350 Ngày cấp: 22/5/2013 Nơi cấp: Công an Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 3/1 Khu phố 3, Phường Bình Khánh, Quận 2, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:

Từ năm – đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2005	Công ty TNHH MTV Thiên Tâm	Giám đốc
2005 – 2018	Cty TNHH MTV Thiên Tâm Nhất	Chủ tịch kiêm Tổng GĐ

- Số cổ phiếu nắm giữ (thời điểm 04/5/2018): 1.214.020 CP, chiếm: 16,18% tổng số cổ phần tại Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CP đang nắm giữ	Tỷ lệ
Hồ Thị Mỹ Hương	Vợ	98.600	1,31%

- Các lợi ích có liên quan đến Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2. TRẦN MẠNH Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày sinh: 20/8/1969

- CMND số: 022025624 Ngày cấp: 29/6/2009 Nơi cấp: Công an Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: 549/85 Lê Văn Thọ, P.14, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12/
- Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật viên Cơ khí
- Quá trình công tác:

Từ năm – đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 2006	CTCP Xuất nhập khẩu An Lộc	Cán bộ kỹ thuật
2007 – 2010	CTCP Phát triển hạ tầng Trung Thành Phát	Giám đốc
2010 – đến nay	Cty TNHH MTV Thiên Tâm Nhất	Phó giám đốc

- Số cổ phiếu nắm giữ (thời điểm 04/5/2018): 00CP, chiếm: 0% CP tại Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không.
- Các lợi ích có liên quan đến Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3. DƯƠNG KIỀU ANH

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày sinh: 01/02/1973

- CCCD số: 035173000729
cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 24/8/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát DKQL

- Địa chỉ thường trú: 180/45/9 Nguyễn Hữu Cánh, P22, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế phát triển, Cử nhân Kế toán kiểm toán, Kỹ sư Xây dựng.
- Quá trình công tác:

Từ năm – đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 1998	Tổng cty Tư vấn xây dựng VN	Kế toán trưởng CN phía Nam
1998 – 2011	-nt-	Phó GD CN phía Nam
2011 – 2017	-nt-	Giám đốc CN phía Nam
2008 – 2018	CTCP Đầu tư PT hạ tầng Tân Cảng	Thành viên HĐQT

- Số cổ phiếu nắm giữ (thời điểm 04/5/2018): 191.000 CP, chiếm: 2,55% tổng số cổ phần tại Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CP đang nắm giữ	Tỷ lệ
Dương Đình Thóa	Cha ruột	100	0,001%

- Các lợi ích có liên quan đến Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

4. DƯƠNG ĐÌNH THÓA Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày sinh: 20/3/1947
- CMND số: 023749302 Ngày cấp: 08/01/2015 Nơi cấp: Công an TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 67/188 Bùi Đình Túy, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm chuyên ngành hóa sinh
- Quá trình công tác:

Từ năm – đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1968 – 1975	Nước Cộng Hòa DCND Lào	Chuyên gia Giáo dục
1975 – 1982	Phòng Giáo dục H.Lý Nhân - Hà Nam	Chuyên gia
1982 – 1997	Trường cấp 3 Bạc Liêu – Trường Cao đẳng Sư phạm Minh Hải	Bí thư chi bộ
1997 đến nay	Kinh doanh tự do	

- Số cổ phiếu nắm giữ (thời điểm 04/5/2018): 100 CP, chiếm: 0,001% CP tại Công ty.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CP đang nắm giữ	Tỷ lệ
Dương Thị Kiều Anh	Con gái ruột	191.000	2,55%

- Các lợi ích có liên quan đến Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không